

PHÁT TRIỂN DU LỊCH CỘNG ĐỒNG TRỞ THÀNH SINH KẾ BỀN VỮNG Ở LAI CHÂU (NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP NGƯỜI LỰ Ở BẢN HON - TAM ĐƯỜNG – LAI CHÂU)

Hoàng Thị Phương Nga^{*}, Nguyễn Hồng Vân
Trường Đại học Khoa học – ĐH Thái Nguyên

TÓM TẮT

Là một trong 16 dân tộc có số dân dưới 10.000 người, dân tộc Lự hiện chỉ còn 5.601 khẩu (Theo Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009). Họ cư trú tập trung ở Phong Thổ và Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu. Người Lự vốn có truyền thống sinh hoạt kinh tế là làm nương, dệt vải, săn bắn hái lượm. Tuy nhiên, người Lự ở Lai Châu nói chung và ở Bản Hon (huyện Tam Đường – Lai Châu) nói riêng hiện nay đã tiếp cận đến một hướng sinh kế mới, đó là du lịch cộng đồng. Bản Hon không chỉ hấp dẫn du khách vì cảnh quan đẹp mà hơn tất cả chính là các giá trị văn hóa của đồng bào Lự vẫn được giữ gìn, trao truyền như một bảo tàng sống động. Người Lự Bản Hon đã biết “xuất khẩu tại chỗ” các giá trị văn hóa ấy bằng công cụ “du lịch cộng đồng” để cải thiện và nâng cao chất lượng cuộc sống, giảm nghèo bền vững.

Từ khóa: *Người Lự; Bản Hon; du lịch cộng đồng; sinh kế; giảm nghèo.*

Ngày nhận bài: 16/4/2019; Ngày hoàn thiện: 17/6/2019; Ngày duyệt đăng: 18/6/2019

DEVELOPMENT COMMUNITY TOURISM TO BECOME SUSTAINABLE LIVING FOR THE LU ETHNIC IN BAN HON (TAM DUONG – LAI CHAU)

Hoang Thi Phuong Nga^{*}, Nguyen Hong Van
TNU - University of Sciences

ABSTRACT

As one of the 16 ethnic groups, under 10,000 people, the Lu ethnic is currently only 5,601 people (according to General census and Housing in 2009). They are concentrated in Phong Tho and in Sin Ho district, Lai Chau province, including Ban Hon village (Tam Duong-Lai Chau). In addition to the traditional economic activity as the eater, textile and hunting, the hunter,... today of the Lu ethnic has a new livelihood, it is a community tourism. Ban Hon village is not only attractive tourists because of the beautiful landscape but also all the traditional cultural values. They are still preserved, conferred as a lively museum. The Lu ethnic has known to export cultural value on-premises by "community tourism" tool to improve and enhance the quality of life and sustainable poverty.

Keywords: *Lu ethnic; Ban Hon; community tourism; livelihood; reduce poverty.*

Received: 16/4/2019; Revised: 17/6/2019; Approved: 18/6/2019

* Corresponding author. Email: ngahtp@tnus.edu.vn

1. Sinh kế bền vững với người dân tộc thiểu số

Sinh kế bền vững đang là mối quan tâm hàng đầu của người dân, đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số. Hiện Việt Nam có 16 dân tộc rất ít người, với số dân dưới 10.000 người, bao gồm: Ô Đu, Brâu, Rơ Măm, Pu Péo, Si La, Ngái, Cống, Bô Y, Cơ Lao, Lô Lô, Mảng, Lự, Chứt, Pà Thẻn, La Ha, La Hủ. Đây là những tộc người có điều kiện sống vô cùng khó khăn, địa bàn sinh sống chủ yếu ở vùng sâu, vùng xa, giao thông đi lại không thuận tiện. Họ có tỷ lệ hộ thuộc diện đói nghèo cao, khả năng tự bảo tồn, phát huy văn hóa truyền thống rất hạn chế. Vì vậy, việc tìm kiếm và ứng dụng mô hình sinh kế bền vững trở thành điều cấp thiết đối với đồng bào, trong đó có người dân tộc Lự.

Trong bối cảnh, đa phần các dân tộc thiểu số rất ít người hầu như đều thiếu tư liệu sản xuất, hiếm cơ hội tiếp cận các tiến bộ về khoa học trong sản xuất nông/ lâm nghiệp; thu nhập của đồng bào chỉ cố gắng đảm bảo nhu cầu cuộc sống tối thiểu thì người Lự ở xã Bản Hòn (Tam Đường – Lai Châu) đã tìm được một hướng đi mới – đó là du lịch cộng đồng. Họ đã khai thác chính giá trị văn hóa truyền thống của mình để tạo sức hấp dẫn đối với du khách du trong nước và quốc tế. Hiện nay, bên cạnh phương thức sinh hoạt kinh tế truyền thống là săn bắt, hái lượm, dệt vải thì người Lự Bản Hòn đã “làm du lịch”. Sinh kế mới này đã giúp cộng đồng tạo công ăn, việc làm, có thêm thu nhập.

2. Du lịch cộng đồng là sinh kế bền vững cho đồng bào dân tộc thiểu số

Người đầu tiên sử dụng khái niệm Sinh kế (livelihood) là Robert Champer với nghĩa như sau: “sinh kế gồm năng lực, tài sản, cách tiếp cận (sự dự trữ, tài nguyên, quyền sở hữu, quyền sử dụng) và các hoạt động cần thiết cho cuộc sống” [1]. Trong khung phân tích sinh kế bền vững của DFID thì “sinh kế bao gồm các khả năng, các tài sản (bao gồm cả các nguồn lực vật chất và xã hội) và các hoạt động để kiếm sống” [2]. Nhìn một cách toàn diện hơn, sinh kế chính là hoạt động kiếm sống của con người thông qua việc sử dụng các nguồn lực (con người, tự nhiên, vật chất,

tài chính, xã hội...) trong một môi trường dễ bị tổn thương có sự quản lý của các tổ chức, định chế, chính sách. Và khi hoạt động sinh kế thích ứng, hoặc tránh được các tác động tiêu cực từ môi trường dễ bị tổn thương, đồng thời bảo đảm duy trì, phát triển được các nguồn lực trong cả hiện tại và tương lai thì được coi là sinh kế bền vững. Cách tiếp cận sinh kế bền vững là lấy con người làm trung tâm rất hữu ích trong việc giải quyết xóa đói giảm nghèo, phát triển nông thôn, ứng phó với những trường hợp khẩn cấp...

Ở Việt Nam, đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số, công tác giảm nghèo nói chung và việc xây dựng mô hình sinh kế bền vững nói riêng là nhiệm vụ cấp bách. Trong nhiều năm qua, thực hiện “Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững”, Chính phủ đã ban hành nhiều Nghị quyết, Nghị định, Quyết định, đồng thời các tỉnh, thành phố cũng đã ban hành nhiều văn bản, chính sách hỗ trợ hộ nghèo, cận nghèo, phù hợp với đặc điểm của từng địa phương. Cùng với đó, ưu tiên nguồn lực đầu tư hỗ trợ tạo sinh kế và phát triển vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số; cải cách thủ tục hành chính và phương thức để người dân, cộng đồng tham gia và tiếp cận chính sách giảm nghèo; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao ý thức tự vươn lên thoát nghèo. Trong đó, đẩy mạnh các cơ chế, giải pháp tác động nhằm nâng cao khả năng tiếp cận của người dân đối với các dịch vụ xã hội cơ bản theo hướng tiếp cận đa chiều; cơ chế, giải pháp lồng ghép nguồn lực thực hiện 21 chương trình có mục tiêu với Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo.

Trong các mô hình sinh kế cho đồng bào dân tộc thiểu số ở Việt Nam hiện nay, du lịch cộng đồng nổi lên như một mô hình kiểu mẫu nhằm cải thiện sinh kế, tạo nguồn thu nhập bền vững và cơ hội việc làm cho cộng đồng dân tộc thiểu số. Bên cạnh đó cũng cải thiện điều kiện vệ sinh làng bản, bảo vệ môi trường tự nhiên và góp phần bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc. Bởi một trong những đặc điểm của du lịch là “*tạo ra rất nhiều việc làm và là nguồn phát triển quan trọng và việc làm, đặc biệt cho những đối*

tượng khó tiếp cận thị trường lao động như phụ nữ, thanh niên, lao động nhập cư và cư dân nông thôn. Du lịch có thể đóng góp đáng kể vào phát triển kinh tế xã hội và giảm nghèo” [3]. Đây là mô hình sinh kế bền vững bởi vừa giữ gìn bản sắc của dân tộc, vừa không phá vỡ cảnh quan, gắn phát triển kinh tế với bảo tồn văn hóa, xóa đói giảm nghèo. Bởi bản chất của du lịch cộng đồng là loại hình du lịch được phát triển trên cơ sở các giá trị văn hóa của cộng đồng, do cộng đồng dân cư quản lý, tổ chức khai thác và hưởng lợi [4]. Nhìn nhận theo khía cạnh giảm nghèo, Tổ chức Lao động thế giới cũng đánh giá “*du lịch cộng đồng là loại hình du lịch mà người dân địa phương (thường là nông dân, người nghèo và những người bị thiệt thòi về kinh tế) mời du khách đến thăm cộng đồng của họ, bằng cách đó cung cấp cơ sở vật chất và các hoạt động du lịch cho du khách*” [3]. Hiện nay, du lịch cộng đồng đang được coi là loại hình du lịch mang lại nhiều lợi ích phát triển kinh tế bền vững nhất cho địa phương.

Cả nước có nhiều mô hình du lịch cộng đồng phát triển khá thành công ở các vùng miền núi có đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống như ở Lào Cai, Hà Giang v.v.. Những mô hình này đã mang lại hiệu quả thiết thực, không chỉ phát huy được thế mạnh văn hoá bản địa của các dân tộc, mà còn góp phần xóa đói giảm nghèo, nâng cao chất lượng cuộc sống của đồng bào dân tộc thiểu số. Việc phát triển các sản phẩm du lịch cộng đồng là phù hợp với xu thế thời đại, đáp ứng nhu cầu khám phá của đông đảo du khách muốn tìm hiểu văn hoá dân tộc đặc sắc. Tuy nhiên, muốn du lịch cộng đồng phát triển cần giữ nguyên gốc, nguyên sơ, chất phác chân thực của văn hoá bản địa, đó là giá trị cốt lõi của cộng đồng, không để đánh mất nó. Để giảm nghèo cho đồng bào dân tộc thiểu số nói riêng và phát triển kinh tế địa phương nói chung, cũng như tôn trọng những giá trị bản địa, giá trị cộng đồng thì loại hình du lịch cộng đồng sẽ là mô hình sinh kế đúng hướng và bền vững.

3. Du lịch cộng đồng – mô hình sinh kế bền vững ở Bản Hon

Bản Hon là một xã nông nghiệp, nằm ở phía

Tây Nam huyện Tam Đường tỉnh Lai Châu, có tổng diện tích đất tự nhiên là 5.443,06 ha. Dân số 2.471 người, trong đó, dân tộc Lự chiếm 90%. Với vị trí địa lý phía Bắc giáp xã Hồ Thầu huyện Tam Đường tỉnh Lai Châu; phía Nam giáp với xã Khun Há huyện Tam Đường tỉnh Lai Châu; phía Tây giáp với xã Bản Giang huyện Tam Đường và huyện Sìn Hồ; phía Đông giáp với xã Bình Lư huyện Tam Đường tỉnh Lai Châu. Trong đó, điểm du lịch văn hóa cộng đồng Bản Hon nằm trên xã Bản Hon gồm Bản Hon 1 (88 hộ) và Bản Hon 2 (69 hộ) với hơn một trăm ngôi nhà sàn được bảo tồn nguyên trạng, cùng với nghề dệt và những tập tục sinh hoạt văn hóa đậm đà bản sắc của đồng bào dân tộc Lự.

3.1. Sức hấp dẫn từ văn hóa truyền thống của người Lự ở Bản Hon

Người Lự định cư ở gần sông, suối và sinh sống bằng nghề trồng lúa nước; chăn nuôi; đan lát; dệt, thêu vải... Cuộc sống của người Lự giản dị nhưng luôn ẩn chứa sự tinh tế, thể hiện rõ nét qua kiến trúc nhà sàn, nghề thủ công, trang phục truyền thống và tục nhuộm răng đen...

Nhà ở của người Lự là nhà sàn, có 1 cầu thang. Căn nhà có mái phía sau ngắn hơn, còn mái phía trước kéo dài xuống che cả hàng hiên và cầu thang. Gầm sàn sạch sẽ, hầu hết các gia đình dùng làm nơi để trữ củi khô, khung cửi và một số đồ dùng khác. Bên trong nhà sàn của người Lự thường dành 1 gian giữa để thờ cúng và con cháu trong gia đình không được vào gian này. Nhà bếp thì nối trực tiếp với căn nhà chính, do vậy khi bước chân vào nhà thì thấy ngay nhà ở và nhà bếp là một thể liên hoàn không tách rời nhau.

Từ lâu đời, đồng bào đã biết trồng bông, nuôi tằm kéo sợi dệt vải để phục vụ cho nhu cầu may mặc của cộng đồng. Đa số phụ nữ Lự đều giỏi trong nghề dệt vải, thêu thùa. Người con gái trước khi lấy chồng đều thành thạo công việc may vá, thêu dệt, đồng bào lấy đó làm thước đo sự khéo léo, tiêu chuẩn đánh giá vai trò của một người phụ nữ trong gia đình cũng như trong bản. Tại Bản Hon, huyện Tam Đường, người dân vẫn tự dệt và mặc trang phục truyền thống. Bản Hon hiện có 100% hộ

dân lưu giữ nghề dệt truyền thống của dân tộc, dưới tầng mái nhà của người Lự đều có từ 1 đến 3 khung dệt để người phụ nữ dệt váy, áo cho mình và những đồ dùng sinh hoạt cho cả gia đình. Sản phẩm dệt của người Lự khá phong phú về chủng loại và trang trí hoa văn, họa tiết rất độc đáo. Ngoài quần áo, váy, người Lự còn sản xuất các loại túi, khăn, địu... Hầu như các thành phẩm từ nghề dệt truyền thống của người Lự đều được làm hết sức tỉ mỉ, thủ công ngay từ việc chọn nguyên liệu đến tìm kiếm màu sắc từ thiên nhiên để nhuộm chàm cho trang phục.



Hình 1. Người Lự ở Bản Hon
(Nguồn: Báo Lai Châu)

Phụ nữ Lự ăn mặc đẹp và cầu kỳ. Bộ trang phục truyền thống gồm khăn đội, áo váy, thắt lưng cùng với bộ trang sức đi kèm. Áo tứ thân dài tay may bằng vải chàm, được ghép liên kết với nhau từ 6 miếng vải cắt theo hình rẻ quạt làm cho chiếc áo có vạt xòe rộng so với eo. Hai bên vạt áo được đính hai dây vải hoa, dải dây bên sườn phải có 5 tua bằng sợi len các màu có xâu hạt cườm. Chiếc áo được điểm xuyết các hoa văn dệt và hoa văn ghép vải. Khăn đội đầu được làm bằng vải bông, nhuộm chàm đen dài khoảng trên 4 m, rộng 0,3 m, hai đầu khăn có tua dài khoảng 0,2 m. Trên nền đen của hai đầu khăn dệt xen kẽ 18 đường chỉ trắng. Trang phục nam giới cũng là màu chàm đen, nét đặc biệt là trên áo nam, phần cúc áo được đính tay bằng những nút gỗ cắm được khâu, đan cầu kỳ, kết hợp các chùm cúc bạc. Cổ áo được làm theo kiểu cổ cao 3 phân, thêu và ghép hoa văn hình tam giác, hình vuông mà xanh, đỏ. Hai bên sườn được khâu hai túi với đường viền hoa văn tinh tế, tạo cho chiếc áo thêm nét mạnh mẽ, nam

tính. Những chiếc áo này dành cho các chú rể hoặc các trai làng mặc trong các lễ hội như cúng rừng, lễ mừng mùa...

Người Lự ở Bản Hon còn giữ nguyên tập tục nhuộm răng có từ thời xa xưa. Khi đến tuổi dậy thì, các cô gái được mẹ sắm cho dụng cụ nhuộm răng gọi là “păng tèm khèo”. Nó là một thanh sắt mỏng, là vật bất ly thân trong suốt cuộc đời của người phụ nữ Lự. Đồng bào dùng cây tiu - một loại cây có nhựa cay, vị thơm mọc ở rừng sâu để làm nguyên liệu nhuộm răng. Họ thu hái cây này về phơi khô dự trữ trong nhà để dùng dần. Mỗi khi ăn cơm xong hoặc trước khi đi ngủ, các bà các cô thường ngồi bên bếp lửa để tiến hành nhuộm răng. Họ lấy một đoạn cây tiu đặt vào bếp lửa đốt thành than hồng rồi bỏ vào một cái lon bằng nhôm, lấy thanh sắt “păng tèm khèo” đập lại. Khi đó cục than hồng đốt nóng làm tan chảy nhựa cây tiu dưới đáy lon, khói bốc lên nghi ngút và ám nhựa cây có màu đen vào phía dưới thanh sắt. Họ lấy tay trở chám vào nhựa còn đang nóng đưa qua đưa lại trên khắp hàm răng để nhuộm, nhựa cây bám chặt vào răng. Đồng bào Lự thực hành nhuộm răng như là một “nghỉ thức” không thể quên trong cuộc sống hàng ngày, đồng thời là phút thư giãn, nghỉ ngơi, làm đẹp của người phục nữ sau ngày lao động mệt nhọc. Nét đặc biệt là trong hàm răng đen tuyền ấy còn điểm xuyết chiếc răng vàng lấp lánh ở hàm trên, ngay ở vị trí chiếc răng khểnh, tạo nên nét đẹp riêng biệt không lẫn với bất cứ tộc người nào. Để làm đẹp, phụ nữ Lự còn kết hợp đeo vòng cổ bằng bạc, cài lá thơm và hoa trên tóc.

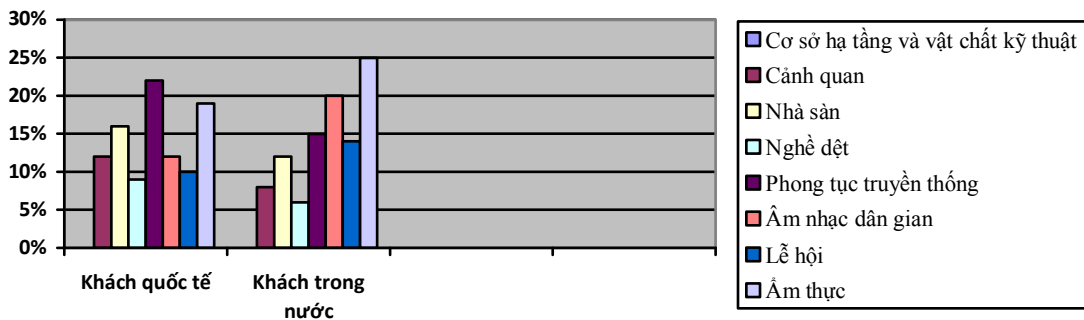
Người Lự có tục “chọc sần” - một cách tỏ tình của trai gái khi đến tuổi trưởng thành. Người Lự có tục thách cưới, do nhà gái quy định, thường dùng bạc trắng để thách cưới. Nhà trai phải mang sang nhà gái những sính lễ: 26.000 đồng tiền giấy, 1 chai rượu, 5 đôi nến sáp ong, 1 con gà hoặc 1 con heo tùy thuộc vào nhà gái muốn cúng heo hay gà. Người Lự có tục ở rể, lúc đưa rể mọi người trong gia đình nhà trai mang theo chăn, đệm, vải tấm. Tân lang phải ở rể trong 3 năm liền. Sau đó cô gái về nhà chồng làm dâu ít nhất 2 năm, rồi đôi vợ chồng có thể tách ra ở riêng.

Cùng với những nét văn hóa đặc trưng nêu trên, văn hóa ẩm thực, lễ hội truyền thống, các làn điệu dân ca, nhạc cụ, trò chơi dân gian... của người Lự đã tạo nên một kho tàng văn hóa đặc sắc, thể hiện rõ sự tài hoa và cảm nhận cuộc sống rất tinh tế của họ.

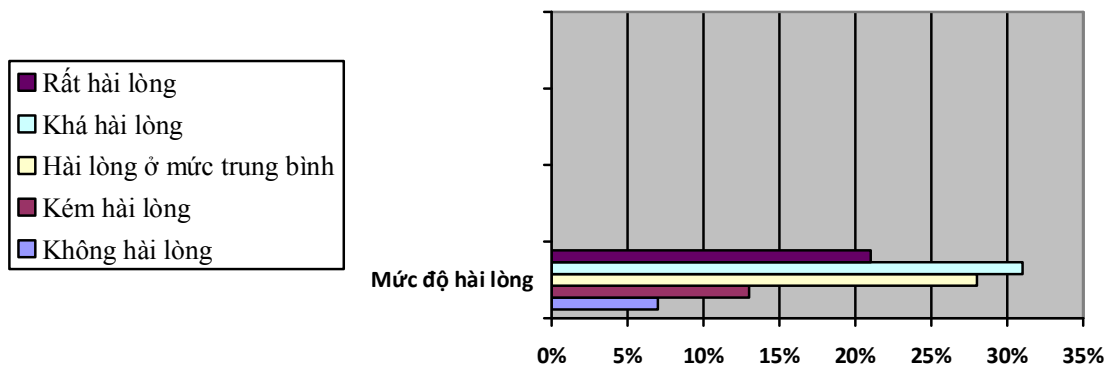
3.2. Hoạt động du lịch cộng đồng ở Bản Hòn

Với vị trí thuận lợi, nằm cách thị xã Lai Châu 20 km và nằm trên tuyến du lịch Vòng cung Tây Bắc, lượng khách đến Bản Hòn tương đối ổn định bao gồm cả khách trong nước và quốc tế. Trung bình mỗi tuần có từ 1 - 2 đoàn khách (thường mỗi đoàn có số lượng dao động từ 5 đến 30 người). Đến đây, khách du lịch được tìm hiểu, khám phá và trải nghiệm cuộc sống sinh hoạt, lao động của người dân địa phương. Các hoạt động đó rất bình dị, mộc mạc trong cuộc sống thường nhật nhưng lại vô cùng sinh động, giàu màu sắc văn hóa giữa không

gian núi rừng Tây Bắc. Ví dụ như: đi bộ hoặc đạp xe ngắm cảnh bản làng/ núi rừng; quay phim/chụp ảnh điểm cảnh; trải nghiệm cuộc sống của người Lự trên ngôi nhà sàn truyền thống; chiêm ngưỡng bộ trang phục dân tộc cầu kỳ với hoa văn đa dạng, phong phú; tìm hiểu và trải nghiệm nghệ thuật dệt vải; được hướng dẫn thực nghiệm phương thức đánh bắt và chế biến cá suối của cư dân địa phương; thưởng thức ẩm thực truyền thống của người Lự với nhiều món ngon đậm vị núi rừng Tây Bắc; tham gia sinh hoạt văn hóa dân gian: Nghe kể về các truyền thuyết, huyền sử, quá trình mở đất lập làng của người Lự; tìm hiểu các tín ngưỡng dân gian của người Lự; giao lưu văn nghệ với cộng đồng dân cư địa phương: Những nghệ nhân dân gian hát bằng tiếng Lự, múa các điệu dân vũ truyền thống của cha ông, biểu diễn nhạc cụ dân gian như trống, chiêng, sáo,...



Biểu đồ 1. Các yếu tố thu hút khách du lịch đến Bản Hòn
(Nguồn: Tác giả phân tích và tổng hợp, 2019)



Biểu đồ 2. Mức độ hài lòng của khách đối với du lịch cộng đồng Bản Hòn
(Nguồn: Tác giả phân tích và tổng hợp, 2019)



Biểu đồ 3. Các nội dung tái đầu tư từ thu nhập du lịch của người Lự ở Bản Hon
(Nguồn: Tác giả phân tích và tổng hợp, 2019)

Để đáp ứng nhu cầu của du khách, người dân Bản Hon đã đầu tư sửa sang nhà cửa, lắp đặt trang thiết bị hiện đại (không phá vỡ không gian kiến trúc truyền thống); khôi phục các món ăn đặc sắc, đa dạng hóa thực đơn và giá cả; phục dựng và phát triển dân ca dân vũ; tìm hiểu văn hóa truyền thống dân tộc Lự để giới thiệu thông tin cho du khách,... Nhiều gia đình trong bản đã có dịch vụ homestay. Trong hơn 100 nóc nhà sàn ở Bản Hon có khoảng 5 nhà có khả năng phục vụ khách lưu trú. Mức thu tiền là 70.000 đồng/đêm/khách. Đặc điểm ngôi nhà sàn của người Lự là thường có diện tích nhỏ, sàn nhà không cao nên sức chứa không lớn do vậy, bình quân mỗi hộ gia đình có thể đón khoảng 15 khách/đêm. Một số ngôi nhà lớn thì có sức chứa 20 - 25 khách/đêm.

Hiện nay, Bản Hon có đủ năng lực đón khoảng 10 ngàn lượt khách du lịch mỗi năm. Các dịch vụ người dân cung ứng gồm: homestay, tour tham quan làng bản, tour đi bộ trekking ven suối, tour học nấu ăn/thưởng thức ẩm thực truyền thống Lự, biểu diễn văn nghệ truyền thống, dệt vải truyền thống,...

Những năm gần đây khách tới Bản Hon tham quan ngày càng nhiều vì thế thu nhập của các gia đình khá dần lên. Du lịch cộng đồng ở Bản Hon đã góp phần tăng thu nhập cho ít nhất 20% số dân thuộc đối tượng nghèo ở địa phương thông qua việc cung cấp các sản phẩm, dịch vụ cho du khách. Bên cạnh đó góp phần bảo tồn các giá trị văn hóa, tài nguyên và môi trường tại điểm Bản Hon và khu vực

lân cận. Không những chỉ góp phần giảm nghèo mà doanh thu từ du lịch, sau khi chi trả những khoản mục cho chuỗi nguyên vật liệu kiến thiết nên các dịch vụ du lịch người Lự ở Bản Hon đã có một nguồn lợi nhất định tái đầu tư vào những nội dung liên quan đến chất lượng cuộc sống như: giáo dục đào tạo nâng cao dân trí, nâng cấp nhà cửa, cải tạo cảnh quan, mua sắm đồ dùng,...

4. Định hướng nâng cao hiệu quả sinh kế bằng du lịch cộng đồng ở tỉnh Lai Châu

4.1. Nhân rộng mô hình trong toàn tỉnh

Trong những năm qua, Lai Châu đã kết hợp với người dân địa phương lập kế hoạch xây dựng chương trình du lịch cộng đồng tại Bản Hon; đồng thời liên kết hợp tác, đầu tư du lịch với nhiều địa phương, công ty lữ hành trong cả nước, xuất bản ấn phẩm du lịch, website du lịch và xây dựng chương trình du lịch hấp dẫn nhằm thu hút khách đến Bản Hon. Đến nay, dân bản đã thuận thực trong việc đón, tiếp khách; bố trí chỗ ăn, ngủ cho khách; chế biến các món ăn đảm bảo vệ sinh, phù hợp với khẩu vị của khách; biểu diễn các tiết mục văn hóa văn nghệ dân gian phục vụ du khách như: hát khắp, thổi sáo, thổi khèn, chơi đàn nhị, chơi trống, ném én, kéo co... Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Lai Châu đã triển khai chương trình hỗ trợ xây dựng mô hình thí điểm nghề thủ công truyền thống gắn với phát triển sản phẩm du lịch tại Bản Hon, như: Khảo sát thu thập thông tin làm cơ sở cho việc phát triển nghề dệt; tổ chức các khóa tập huấn để qua đó động

viên khuyến khích các nghệ nhân có kinh nghiệm truyền dạy lại tinh hoa nghề dệt cho thế hệ trẻ; hỗ trợ một số trang thiết bị nghề dệt (guồng quay, khung dệt, bộ đồ nhuộm chàm, dụng cụ cán bông, xa quay sợi, các loại chỉ dệt, bộ đồ in sáp ong...); tổ chức trình diễn nghề dệt, qua đó nâng cao ý thức trách nhiệm cho người dân tại bản trong việc gìn giữ giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc mình nhằm phát triển du lịch bền vững.

Bản Hon hiện đã trở thành điểm đến thân thiện, tiếp cận dễ dàng đối với khách du lịch. Hạ tầng kỹ thuật như đường xá, nhà cộng đồng, công trình vệ sinh, nước sạch, điện lưới, viễn thông và hệ thống dịch vụ khá tốt. Đây là mô hình phát triển du lịch cộng đồng đầu tiên tại Lai Châu, góp phần thúc đẩy công cuộc xóa đói giảm nghèo bền vững, tạo điều kiện cho người dân, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số vượt qua khó khăn vươn lên xóa đói giảm nghèo cho bản thân. Như vậy, có thể nhân rộng mô hình sinh kế bền vững này cho các địa phương khác có cùng điểm xuất phát như Bản Hon. Và thực tế hiện nay tỉnh Lai Châu cũng đã tiếp tục phát triển du lịch cộng đồng tại các điểm bản dân tộc thiểu số như Nà Luông, Sin Suối Hồ, Vàng Pheo, Gia Khâu...

4.2. Tăng cường quảng bá và thu hút đầu tư cho du lịch

Tuy nhiên, để phát triển du lịch cộng đồng trở thành sinh kế bền vững mang tính toàn diện và hiệu quả cao, chính quyền địa phương cần tăng cường xúc tiến quảng bá điểm du lịch Bản Hon trên các phương tiện thông tin đại chúng; kêu gọi sự đầu tư tài chính hỗ trợ người dân nâng cấp hệ thống cơ sở hạ tầng đáp ứng nhu cầu tham quan của du khách; đồng thời hỗ trợ người dân đưa ra định hướng tổ chức các hoạt động du lịch và khai thác tài nguyên du lịch phù hợp với đặc điểm riêng của bản. Người dân địa phương cần được nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có ý thức bảo tồn các

giá trị tài nguyên du lịch tự nhiên và nhân văn để đảm bảo sự phát triển bền vững trong tương lai. Ngoài ra, chính quyền và nhân dân cần liên kết với các doanh nghiệp lữ hành để nghiên cứu tạo ra sản phẩm du lịch độc đáo mang sắc thái riêng của Bản Hon.

5. Kết luận

Bản Hon (Tam Đường – Lai Châu) sở hữu những cảnh quan thiên nhiên đẹp, văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc. Đây chính là những lợi thế để địa phương phát triển du lịch cộng đồng nhằm xóa đói giảm nghèo – như một sinh kế bền vững cho đồng bào Lự. Điều này không chỉ góp phần bảo vệ và phát huy những giá trị văn hóa vốn có mà còn giúp người dân phát triển kinh tế. Khi đến với Bản Hon, khách du lịch, đặc biệt là du khách quốc tế sẽ được hòa mình vào không khí náo nhiệt của âm nhạc truyền thống, trực tiếp tham gia sản xuất nông nghiệp với người dân, tìm hiểu các nghề thủ công truyền thống như dệt vải, làm nhạc cụ hay thưởng thức các món ăn dân dã nhưng chứa đựng tinh hoa ẩm thực của cộng đồng... Đó chính là những trải nghiệm thực sự hấp dẫn và khó quên đối với du khách. Và những giá trị đó đã mang lại nguồn lợi kinh tế nhất định cho người Lự ở Bản Hon giảm nghèo và nâng cao chất lượng cuộc sống. Chính vì thế, du lịch cộng đồng ở Bản Hon cần được quan tâm hơn nữa để trở thành sinh kế bền vững cho địa phương.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Chambers, Robert, *Rural development: Putting the last first*, Longman Scientific & Technical, Co-published in the United States with John Wiley & Sons, Inc., New York, 1983.
- [2]. Nguyễn Văn Sửu, “Khung sinh kế bền vững: Một cách phân tích toàn diện về phát triển và giảm nghèo”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 2, tr 3-12, 2010.
- [3]. Tổ chức Lao động Quốc tế, *Bộ công cụ hướng dẫn giảm nghèo thông qua du lịch*, 2012.
- [4]. Bùi Thị Hải Yến, *Du lịch cộng đồng*, Nxb Giáo dục, 2007.

